ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGỌC LẶC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 238 /KH-UBND	*Ngọc Lặc, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Ngọc Lặc

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động số 266-KH/TU; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 21/9/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

UBND xã Ngọc Lặc xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu của Chương trình hành động số 29-CTr/TU, Quyết định số 3111/QĐ-UBND và các văn bản chỉ đạo có liên quan phù hợp với điều kiện thực tế của xã Ngọc Lặc; làm cơ sở để các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, các cơ quan, đơn vị và các thôn tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thiết thực, hiệu quả.

Tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cán bộ, công chức, người dân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn xã trong ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, nông nghiệp, lâm nghiệp, sản phẩm OCOP, thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của địa phương.

Góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Chương trình hành động số 29-CTr/TU, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; đồng thời căn cứ tình hình thực tế, đặc điểm kinh tế - xã hội của xã Ngọc Lặc để xác định lộ trình, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, khả thi.

Xác định rõ nội dung công việc, chỉ tiêu, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm của từng phòng chuyên môn, đơn vị, công chức, các thôn; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ.

Gắn việc thực hiện Kế hoạch với nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của xã; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền và trong đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn xã; xây dựng chính quyền số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với thế mạnh nông nghiệp, lâm nghiệp, sản phẩm OCOP, thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và các ngành, nghề có thế mạnh của địa phương; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Chương trình hành động số 29-CTr/TU trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

Phấn đấu 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện tại xã được số hóa theo quy định; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ của dịch vụ công toàn trình đạt 98%; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt từ 99% trở lên.

Phấn đấu tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID đạt 90%; tỷ lệ người trưởng thành có chữ ký số đạt 40%; trên 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; duy trì hoạt động hiệu quả 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

100% cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai quản lý, dạy và học trên môi trường số theo điều kiện và hướng dẫn của ngành giáo dục; phấn đấu tỷ lệ người

dân được tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID đạt chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao.

Phấn đấu 100% di tích, di sản văn hóa, không gian văn hóa tiêu biểu trên địa bàn xã được số hóa tư liệu, hiện vật; tối thiểu 90% hộ kinh doanh du lịch, dịch vụ, cơ sở lưu trú ứng dụng nền tảng số trong quảng bá, bán hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, phù hợp điều kiện thực tế.

(Chi tiết lộ trình từng năm tại Phụ lục chỉ tiêu kèm theo Kế hoạch này)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động

Quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động số 29-CTr/TU, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh và các văn bản có liên quan đến cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn xã; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu UBND xã và các phòng, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các phòng chuyên môn, các thôn, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Rà soát, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách theo thẩm quyền

Cập nhật, phổ biến kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm OCOP.

Chủ động tổng hợp, phản ánh, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách phát sinh từ thực tiễn cơ sở.

3. Phát triển nguồn nhân lực số cho cán bộ, công chức và Nhân dân

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số căn bản cho cán bộ, công chức xã; ưu tiên kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng các nền tảng số dùng chung, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin.

Phấn đấu tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận các dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông đến năm 2030 đạt 90%, phù hợp chỉ tiêu và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn; phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân trong hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và nền tảng số.

Triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số", ưu tiên người cao tuổi, người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ và hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

4. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Bố trí, lồng ghép nguồn kinh phí từ ngân sách xã và các chương trình, đề án của cấp trên để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

Khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, sản xuất, kinh doanh và thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tại xã

Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền phục vụ hoạt động của chính quyền số tại xã thông suốt, an toàn; phối hợp với cơ quan, doanh nghiệp viễn thông và cơ quan cấp trên nâng cấp hệ thống mạng, trang thiết bị tại trụ sở và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Phối hợp cập nhật, làm sạch, chia sẻ dữ liệu dân cư, đất đai, hộ kinh doanh và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo thẩm quyền, phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế số, xã hội số.

6. Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với thế mạnh của xã

Hỗ trợ, hướng dẫn cơ sở lưu trú, nhà hàng, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quảng bá hình ảnh, bán hàng và thanh toán không dùng tiền mặt; từng bước tiếp cận các mô hình du lịch thông minh theo định hướng của tỉnh.

Hỗ trợ hộ sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã, cơ sở tiểu thủ công nghiệp ứng dụng công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của xã lên sàn thương mại điện tử.

Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên triển khai các mô hình khuyến nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt ứng dụng khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện sản xuất; ưu tiên mô hình sản xuất hàng hóa, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng.

Khuyến khích phát hiện, giới thiệu, nhân rộng sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật, mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả trong cộng đồng, sản xuất và quản lý.

7. Nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; phối hợp triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng số phục vụ chăm sóc sức khỏe theo hướng dẫn của ngành chuyên môn.

Tổ chức số hóa tư liệu, hiện vật, không gian văn hóa tiêu biểu trên địa bàn; khai thác hiệu quả phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong theo dõi, cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, bảo đảm an toàn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ trong hoạt động của UBND xã; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, dữ liệu số làm nền tảng và công nghệ số làm công cụ phục vụ quản lý, điều hành.

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; sử dụng hiệu quả văn bản điện tử, chữ ký số và các nền tảng số dùng chung.

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh.

Phát triển xã hội số, tăng cường sử dụng VNeID, Sổ sức khỏe điện tử và các nền tảng số thiết yếu trong đời sống.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và môi trường số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã.

Nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số và các nền tảng số dùng chung.

10. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ; thực hiện đánh giá kết quả theo định kỳ, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và từng cơ quan, đơn vị.

Kịp thời sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc phát sinh từ thực tiễn, bảo đảm Kế hoạch được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, tham mưu giúp UBND xã theo dõi, tổng hợp chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; tham mưu gắn

kết quả chuyển đổi số với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức hằng năm, tham mưu các nội dung về giáo dục, y tế, văn hóa số, số hóa di sản, phong trào Bình dân học vụ số, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, tham mưu sơ kết, tổng kết.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan đến hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ; phát triển sản phẩm OCOP, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nội dung kinh tế số thuộc phạm vi quản lý. Chủ trì tham mưu bố trí, lồng ghép kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối và quy định hiện hành; hướng dẫn thanh, quyết toán theo quy định.

3. Văn phòng HĐND&UBND

Chủ trì tham mưu UBND xã triển khai công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai xây dựng chính quyền số trên địa bàn.

4. ***Trung tâm phục vụ hành chính công xã***

Chủ trì nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến theo quy định; theo dõi mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và đề xuất giải pháp cải thiện.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu; hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và tham gia triển khai các nhiệm vụ xã hội số.

6. Công an xã

Chủ trì tham mưu, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng và khai thác dữ liệu theo quy định.

7. Trạm Y tế, các trường học trên địa bàn xã

Chủ động triển khai ứng dụng công nghệ số trong quản lý, chuyên môn theo lĩnh vực phụ trách; phối hợp thực hiện các chỉ tiêu về y tế, giáo dục số; cung cấp số liệu phục vụ tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu.

8. Các thôn, Tổ công nghệ số cộng đồng

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân tham gia chuyển đổi số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu; phản ánh khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và vận động cộng đồng trong ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị, các thôn kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Ngọc Lặc. Yêu cầu các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, các cơ quan, đơn vị, các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- TTr Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- UB MTTQ Việt Nam xã (ph/h);
- Các Phòng, Trung tâm, đơn vị (th/h);
- Các thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NGỌC LẶC T. THANH HÓA

Lê Ngọc Sơn

PHỤ LỤC I
CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 29-CTr/TU TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌC LẶC, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9 /2026 của UBND xã Ngọc Lặc)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	CHỈ TIÊU						
			Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
I	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**								
1	Tỷ lệ phủ sóng 4G/5G trên địa bàn	%	85%	90%	95%	100%	100%	100%	Phòng VHXH - Doanh nghiệp Viễn thông
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	85%	90%	95%	100%	100%	100%	Phòng VHXH - Doanh nghiệp Viễn thông
II	**PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC**								
3	Tỷ lệ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	%	1,31%	≥ 1,5%	≥ 1,5%	≥ 2%	≥ 2%	≥ 3%	Phòng KT
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXH
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXH
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	85%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXH

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	CHỈ TIÊU						Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
			Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	20%	80%	85%	90%	90%	90%	Phòng KT; Các cơ sở Y tế; Các nhà trường; Bảo hiểm xã hội khu vực
III	**PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ**								
8	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	98.80%	99%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90%	90%	92%	94%	96%	98%	Trung tâm phục vụ hành chính công
10	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
11	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử (*)	%	99.41%	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
12	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công (*)	%	80%	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công
13	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND
14	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	85%	90%	100%	100%	100%	100%	Phòng KT

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	CHỈ TIÊU						
			Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo
15	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	82%	87%	88%	90%	92%	95%	Phòng VHXH; các ngân hàng trên địa bàn
16	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	40,34%	50%	70%	80%	80%	80%	Phòng KT
17	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	85 %	85%	87%	87%	90%	90%	Công an xã
18	Tỷ lệ người trưởng thành có chữ ký số	%	30%	37%	38%	38%	39%	40%	Phòng VHXH - Doanh nghiệp Viễn thông
19	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	90,4%	92%	94%	95%	97%	100%	Phòng VHXH; các trạm Y tế,
20	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	7	≤ 10	≤ 10	≤ 10	≤ 10	≤ 10	Công an xã

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA UBND XÃ NGỌC LẶC

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
I	**Nhóm nhiệm vụ xây dựng chính quyền số**				
1	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch của Trung ương, của tỉnh và của UBND tỉnh giao	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan, đơn vị	Hằng năm	Báo cáo kết quả
2	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, hồ sơ được số hóa và thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Phục vụ HCC	Văn phòng HĐND&UBND	Hằng năm	Báo cáo cải cách hành chính
3	Duy trì 100% văn bản điện tử, chữ ký số trong hoạt động của UBND xã	Văn phòng HĐND&UBND	Các đơn vị	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ
4	Chuẩn hóa, cập nhật và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Hằng năm	Dữ liệu được cập nhật
II	**Nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số**				
5	Hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, cơ sở OCOP ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt	Phòng Kinh tế	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Hằng năm	Báo cáo kết quả
6	Tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, chữ ký số và các nền tảng số	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Chi cục Thuế, Phòng Kinh tế,	Hằng năm	Báo cáo kết quả
III	**Nhóm nhiệm vụ phát triển xã hội số**				
7	Triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"; phổ cập kỹ năng số cho người dân	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, các thôn	Hằng năm	Số lớp, số người được tập huấn

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
8	Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn	Phòng Văn hóa - Xã hội	UBMTTQ và các đoàn thể	Thường xuyên	Báo cáo hoạt động
9	Hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số thiết yếu	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Công an xã	Hằng năm	Tỷ lệ người dân được hỗ trợ
IV	**Nhóm nhiệm vụ văn hóa số**				
10	Số hóa tư liệu, hình ảnh, hồ sơ các di tích, lễ hội truyền thống và các giá trị văn hóa trên địa bàn	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	2026-2030	Cơ sở dữ liệu số
11	Ứng dụng mã QR trong giới thiệu di tích, điểm du lịch, thiết chế văn hóa và các địa chỉ đỏ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	2026-2030	Mã QR được đưa vào sử dụng
V	**Nhóm nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin**				
12	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân	Văn phòng HĐND&UBND	Công an xã	Hằng năm	Hội nghị, lớp tập huấn
13	Kiểm tra, rà soát việc bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin của UBND xã	Văn phòng HĐND&UBND	Công an xã	Hằng năm	Báo cáo kiểm tra
VI	**Nhóm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát**				
14	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND&UBND	Hằng năm	Báo cáo kiểm tra
15	Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị	Hằng năm và cuối giai đoạn	Báo cáo sơ kết, tổng kết